UBND XÃ GIA PHÚC
TRƯỜNG MN TOÀN THẮNG

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	90/178. Trẻ khỏe mạnh, nhanh nhẹn, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường từ 98% trở lên	278/278 Trẻ khỏe mạnh, nhanh nhẹn, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường từ 98% trở lên
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Chương trình giáo dục mầm non	Chương trình giáo dục mầm non sau sửa đổ bổ sung VB hợp nhất số 01/VBHN-BGD ĐT ngày 13/4/2021
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	Đạt 100%	Đạt 100%

IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Trường đạt trường chuẩn mức độ 2 và kiểm định mức độ 3.	

Gia Phúc, ngày 16 tháng 9 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

Dương Thị Thoa

UBND XÃ GIA PHÚC
TRƯỜNG MN TOÀN THẮNG

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế
Năm học: 2025-2026

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	**Tổng số trẻ em**							
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	368		14	76	80	90	108
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0						
II	**Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú**	368		14	76	80	90	108
III	**Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe**	368		14	76	80	90	108
IV	**Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng**	368		14	76	80	90	108
V	**Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em**							
1	*Số trẻ cân nặng bình thường*	365		14	75	79	89	108
2	*Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân*	3	0	0	1	1	1	0
3	*Số trẻ có chiều cao bình thường*	365		14	75	79	89	108
4	*Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi*	3		0	1	1	1	0
5	*Số trẻ thừa cân béo phì*	2		0	0	1	1	
VI	**Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục**							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	90		14	76			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	278				80	90	108

Gia Phúc, ngày 16 tháng 9 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

Dương Thị Thoa

UBND XÃ GIA PHÚC
TRƯỜNG MN TOÀN THẮNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Tổng số phòng**	17	Số m^2/trẻ em
II	**Loại phòng học**		
1	Phòng học kiên cố	17	3,4m2/ trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
III	**Số điểm trường**	1	
IV	**Tổng diện tích đất toàn trường** (m^2)	9.887	28,2 m2/ trẻ em
V	**Tổng diện tích sân chơi** (m^2)	3000	11,7 m2/ trẻ em
VI	**Tổng diện tích một số loại phòng**		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m^2)	1020	2,9 m2/ trẻ em
2	Diện tích phòng ngủ (m^2)	0	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m^2)	255	0,73 m2/ trẻ em
4	Diện tích hiên chơi (m^2)	680	1,9 m2/ trẻ em
5	*Diện tích phòng giáo dục thể chất (m^2)*	60	0,17 m2/ trẻ em
6	*Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m^2)*	120	0,34 m2/ trẻ em
7	Diện tích nhà bếp và kho (m^2)	100	0,29 m2/ trẻ em
VII	**Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	17	17/17
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	**Tổng số đồ chơi ngoài trời**	1	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	**Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)**	5	
X	**Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác** (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)

1	Ti vi	17/17	1tivi/ lớp
2	Nhạc cụ (Đàn ocgan, ghi ta, trống)	0	
3	Máy phô tô	0	
4	Catsset	0	
5	Đầu Video/đầu đĩa	0	
6	Máy in	4	
7	Bàn ghế đúng quy cách	180 bàn và 400 ghế	Nhà trẻ và mẫu giáo

		Số lượng(m^2)				
XI	**Nhà vệ sinh**	**Dùng cho giáo viên**	**Dùng cho học sinh**		**Số m^2/trẻ em**	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		17		0,73 m2/ trẻ em
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

*(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu-điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)*

		Có	Không
XII	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	x	
XIII	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	x	
XIV	**Kết nối internet**	x	
XV	**Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục**	x	
XVI	**Tường rào xây**	x	

Gia Phúc, ngày 16 tháng 9 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

Dương Thị Thoa

UBND XÃ GIA PHÚC
TRƯỜNG MN TOÀN THẮNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	**44**			33	5		6	16	19	2				
I	**Giáo viên**	**34**			30	4			15	18					
1	Nhà trẻ	10			8	2			7	3					
2	Mẫu giáo	24			22	2			8	15					
II	**Cán bộ quản lý**	**3**			3				0	1	2				
1	Hiệu trưởng	1			1						1				
2	Phó hiệu trưởng	2			2					1	1				
III	**Nhân viên**	7				1		6	1						
1	Nhân viên văn thư	0													
2	Nhân viên kế toán	1				1			1						
3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	0													
5	Nhân viên khác	6						6							

Gia Phúc, ngày 16 tháng 9 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

Dương Thị Thoa